SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Kế toán DN1
Ngành: **Kiểm toán**
Lớp: **12KK1**
Giờ thi:**7h30**
Khóa: **08 (2012 - 2014)**
Ngày thi: **14/06/2013**
Thi lần: **1**
Học kỳ: **II**
Năm học: **2012 - 2013**
Phòng thi:**A3.1**

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	12KK1001	Nguyễn Triết	An	18/03/1991	3.0		6.0		5.0			01	Một	
2	12KK1002	Phạm Thị Xuân	An	10/09/1994	8.0		9.0		8.7			6	Sáu	XT
3	12KK1004	Lê Thị Ngọc	Hân	28/04/1994	3.0		6.0		5.0			5	Năm	
4	12KK1005	Đỗ Thị Phương	Hằng	12/12/1994	5.0		6.0		5.7			4	Bốn	
5	12KT1011	Đặng Hoàng Kim	Hiên	08/09/1994	4.0		6.0		5.3			3	Ba	
6	12KK1006	Bùi Thị Thu	Hiền	24/04/1993	4.0		6.0		5.3			5	Năm	
7	12CB0016	Đặng Thị Ánh	Hồng	15/04/1990	5.0		5.0		5.0			3	Ba	XT+K2
8	12KK1007	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	29/03/1993	6.0		5.0		5.3			5	Năm	
9	12KK1009	Mai Thi	Lâm	05/10/1994	5.0		5.0		5.0			4	Bốn	
10	12KK1010	Huỳnh Thị Mỹ	Lan	29/10/1994	4.0		7.0		6.0			4	Bốn	
11	12KK1011	Huỳnh Thị	Liễu	22/05/1992	5.0		5.0		5.0			2	Hai	XT
12	12KK1012	Ngô Thị Yến	Linh	20/12/1994	4.0		6.0		5.3			4	Bốn	NH+TV
13	12KK1033	Tô Khánh	Linh	04/09/1994	5.0		6.0		5.7			8	Tám	
14	12KT1015	Lê Thị	Mận	26/02/1993	7.0		9.0		8.3			9	Chín	
17	12KK1015	Đỗ Thị Kim	Ngọc	16/06/1994	3.0		6.0		5.0			6	Sáu	
18	12KK1016	Trần Anh Trung	Nguyên	13/01/1993	10.0		8.0		8.7			7	Bảy	
19	12CB0026	Phùng Thị	Phải	07/07/1992	10.0		9.0		9.3			6	Sáu	
20	12KK1017	Huỳnh Thị Bích	Phượng	27/04/1991	5.0		5.0		5.0			5	Năm	
21	12KK1018	Nguyễn Thị Thanh	Sang	23/03/1994	7.0		7.0		7.0			5	Năm	XT
23	12KK1019	Tạ Ngọc	Thanh	09/02/1994	5.0		7.0		6.3			3	Ba	NH
25	12KK1021	Võ Thị Hồng	Thơ	22/03/1994	4.0		6.0		5.3			5	Năm	
28	12KK1024	Lê Thị Ngọc	Thư	08/01/1993	4.0		6.0		5.3			3	Ba	
30	12KT1026	Phạm Thị Xuân	Thùy	02/06/1994	3.0		6.0		5.0			3	Ba	K2 thiếu 100k

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
31	12KK1026	Võ Mỹ	Tiên	07/07/1993	6.0		9.0		8.0			4	Bốn	
33	12KK1027	Lê Thị	Tình	21/12/1993	4.0		6.0		5.3			2	Hai	
~~34~~	~~12KK1028~~	~~Vũ Thị Bích~~	~~Trâm~~	~~15/02/1993~~	~~3.0~~		~~6.0~~		~~5.0~~					
36	12KK1031	Bùi Ngọc Nhã	Uyên	19/12/1986	5.0		7.0		6.3			6	Sáu	
37	12KK1032	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/01/1992	8.0		6.0		6.7			5	Năm	
38	12KK2025	Đặng Hà	Phương	12/11/1990	6.0		5.0		5.3			4	Bốn	XT

Tổng số: **38** thí sinh.

Tp.HCM, ngày ..12.. tháng ..06.. năm 2013

HIỆU TRƯỞNG 12/6/2013
(Duyệt)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ-KỸ THUẬT SÀI GÒN

ThS. Nguyễn Việt Dũng

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Như Quỳnh

+ Số thí sinh có mặt:..28..
+ Số thí sinh vắng mặt:...1....
+ Số bài thi:...28...
+ Số tờ giấy thi:..28...

Ghi chú :

+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.
* Ngày giao - nhận:..25/06/2013.....
* Người giao *(Ký, họ tên)*:.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi họ tên)

Nguyễn Cao Duy Thuyết

Nguyễn Thị Vân Hoa

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi họ tên)

Lương Thanh Minh